

1.CHÚ TRÊN GIƯỜNG BƯỚC XUỐNG ĐẤT

Tùng triều dần dần trực chí mộ

Nhất thiết chúng sinh tự hồi hộ

Nhược ư tức hạ tán kỳ hình

Nguyện như tức thời sinh

Án Dật đế luật ni tóa ha (3 lần)

Dịch nghĩa:

Từ sáng đến tối

Tất cả chúng sinh phải tự trốn tránh

Nếu đôi chân ta đạp nát thân hình

Nguyện cho các người liền sinh Tịnh độ

2. CHÚ BƯỚC ĐI

Nhược cử ư tức, đương nguyện chúng sinh

Xuất sinh tử hải, cụ chúng Thiện Pháp

Án Địa rị nhật rị tóa ha (3 lần).

Dịch nghĩa:

Dỡ chân bước đi cầu cho chúng sinh

Thoát biển sinh tử đủ các pháp lành

3. CHÚ ĐẠI TIỆN

Đại tiểu tiện thời, đương nguyện chúng sinh

Khí tham sân si, quyên trừ tội pháp.

Án Ngạn lỗ đà da tóa ha (3 lần).

Dịch nghĩa:

Khi đi đại tiện ,cầu cho chúng sinh

Bỏ tham sân si dứt hết các tội

4. CHÚ TIÊU TIỆN

Ngủ trước hôn ướ

Khử trừ nghiệp căn

Kinh an khoái nhiên

Thân thể vô ngại

Án Định ma ba tra toá ha (3 lần)

Dịch nghĩa:

Nằm trước ô ướ

Lìa bỏ nghiệp căn

Nhẹ nhàng an lạc

Thân thể vô ngại

5. CHÚ RỬA TAY

Dĩ thủy quán chưởng, đương nguyện chúng sinh

Đắc thanh tịnh thủ, thọ trì Phật Pháp

Án Chủ ca ra da tóa ha (3 lần).

Dịch nghĩa:

Dùng nước rửa tay cầu cho chúng sinh

Được tay thanh tịnh giữ gìn Phật pháp

6. CHÚ RỬA MẶT

Dĩ thủy tẩy diện, đương nguyện chúng sinh

Đắc tịnh pháp môn, vĩnh vô cấu nhiễm

Án Lam tóa ha (3 lần).

Dịch nghĩa:

**Dùng nước rửa mặt cầu cho chúng sinh
Được tịnh pháp môn, rằng không nhớ bợn**

7. CHÚ XÚC MIỆNG

**Thấu khẩu liên tâm tịnh
Dẫn thủy bá hoa hương
Tam nghiệp hằng thanh tịnh
Đồng Phật vãng Tây Phương
Án Hám án hản tóa ha (3 lần).**

Dịch nghĩa:

**Xúc miệng lắng lòng sạch
Ngậm nước thơm trăm hoa
Ba nghiệp thường trong sạch
Đồng Phật qua Tây phương**

8. CHÚ MẶC ÁO TRÀNG

**Thiện tai giải thoát phục
Bát tra lễ sám y
Ngã kim danh đại thọ
Thế thế thế thường đặc phi.
Nam Mô Ca Sa Tràng Bồ Tát (3 lần).**

Dịch nghĩa:

**Lành thay mặc áo giải thoát
Áo bát tra rằng lễ sám
Con nay cuối đầu nhận
Đời đời đều mang mặc**

9. CHÚ ĐỐT HƯƠNG

**Hương yên kết thể, thông xuất tam giới
Ngũ uẩn thanh tịnh, tam độc liễu nhiên
Án phúng ba tra tá hạ (3 lần).**

Dịch nghĩa:

**Khói hương kết quyện thông suốt ba cõi
Năm uẩn thanh tịnh ba độc rửa sạch**

10. CHÚ LÊN CHÁNH ĐIỆN

Nhược đắc kiến Phật

Đương nguyện chúng sinh

Đắc vô ngại nhẫn

Kiến nhất thiết Phật

Án a mật lạc đế hồng phẩn tra (3 lần).

Dịch nghĩa:

Nếu được thấy Phật

Cầu cho chúng sinh

Được mắt vô ngại

Thấy tất cả Phật

11. CHÚ CÀM CHUỖI

Bồ Đề nhất bá bát, diệt tội đấng hà sa

Viễn ly tam đồ khổ, xích sắt biến liên hoa

Ái hà thiên xích lãng, khổ hải vạn trùng ba

Dục thoát luân hồi lộ, tảo cấp niệm Di Đà

Nam mô Tây phương cực lạc Thế giới Đại từ Đại bi A DI ĐÀ PHẬT (3 lần).

Dịch nghĩa:

Bồ đề 108, diệt tiêu hà sa tội

Xa lìa khổ tam đồ, xích xiềng biến liên hoa

Sóng ái gợn lao xao, biển khổ gợn ba đào

Muôn thoát đường luân hồi, mau gấp niệm Di Đà

12. CHÚ QUÁN BÁT KHÔNG

Nhược kiến không bát, đương nguyện chúng sinh

Cứu cánh thanh tịnh, không vô phiền não

Nam mô Thanh tịnh pháp thân Tỳ lô giá na Phật

Dịch nghĩa:

Khi thấy chén không, cầu cho chúng sinh

Rốt ráo trong sạch dứt hết phiền não

13. CHÚ QUÁN BÁT ĐẦY

Nhược kiến mãn bát, đương nguyện chúng sinh

Cụ túc Thanh mãn, nhất thiết thiện pháp

Nam mô viên mãn báo thân lô xá Na Phật.

Dịch nghĩa:

Khi thấy chén đầy cầu cho chúng sinh

Đầy đủ sung túc tất cả thiện pháp

14. CHÚ CÀM ĐŨA

Chấp trì tịnh trợ, đương nguyện chúng sinh

Trợ khiêu nhất thiết, vật đặc thanh lương

Nam mô Thanh lương Địa Bồ Tát (3 lần).

Dịch nghĩa:

Cầm nắm đôi đũa, cầu cho chúng sinh

Gấp trở tất cả các món thanh lương

15. KỆ TAM ĐỀ

Nguyện đoạn nhất thiết ác (miếng thứ nhất)

Nguyện tu nhất thiết thiện (miếng thứ hai)

Thệ độ nhất thiết chúng sinh (miếng thứ ba)

Dịch nghĩa:

Nguyện đoạn các việc ác

Nguyện tu các việc lành

Nguyện độ tất cả chúng sinh

16. KỆ NGŨ QUÁN

Nhất kế công đa thiếu lượng bĩ lai xứ

Nhị thôn kỷ đức hạnh toàn khuyết ứng cúng

Tam phòng tâm lý quá tham đẳng vi tông

Tứ chánh sự hương dục vị liệu hình khô

Ngũ vi thành đạo nghiệp, ưng thọ thử thực.

Dịch nghĩa:

Một tính công nhiều ít so kia đem đến

Hai xét đức hạnh đủ thiếu thọ cúng

Ba gửi lòng không, bởi nghiệp tham là gốc

Bốn sự ăn là liệu thuốc trị bệnh đói gầy

Năm quyết tâm thành đạo nghiệp mới dùng cơm này

16. CHÚ TRIỂN BÁT

(Dâng bát ngang tráng)

Như Lai ứng lượng khí, ngả kim đặc phu triển

Nguyện cúng nhất thiết chúng

Đẳng tam luân không tịch

Án tư mạ ma ni tóa ha (3 lần).

Dịch nghĩa:

Bưng bát của Như Lai

Ta nay được mở bày

Nguyện cúng tất cả chúng

Đạt đến tam luân không tịch

18. CHÚ TÂY BÁT

Dĩ thử Tây bát thủy, Như Thiên cam lộ vị

Thí dữ chư quý thần, tất giai hoạch bảo mãn.

Án ma hưu ra tất tóa ha (3 lần).

19. CHÚ XỈA RĂNG

Tước dương chi thời, đương nguyện chúng sinh

Kỳ tâm điều tịnh phệ chư phiền não

Án a mô đà di ma lệ nễ, phạ ca ra tăng du đà nễ, bát đầu ma cu ma ra nễ, phạ tăng du đà da, đà ra, tố di ma lê tá phạ hạ (3 lần).

20. CHÚ UỐNG NƯỚC

Phật quán nhất bát thủy

Bát vạn tứ thiên trùng

Nhược bất trì thử chú

Như thực chúng sinh nhục.

Án phạt tất ba ra ma ni tóa ha (3 lần).

21. CHÚ ĐI NGỦ

Dĩ thời tâm tức, đương nguyện chúng sinh

Thân đắc an ổn, tâm vô loạn động

Nam mô định tâm Vương Bồ Tát (3 lần).

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT (đến khi ngủ quên)./.

22. CUNG THỈNH TAM BẢO TÔN

Kiến Phật tướng hảo đương nguyện chúng sinh

Thành tựu Phật thân chúng vô tướng pháp

Án mâu ni, mâu ni, tam mâu ni, tát phạt hạ./.

23. CUNG THỈNH CHƯ TÔN HỒI QUY BẢN VỊ

Hồi hướng nhân duyên tam thế Phật

Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Tự Tại

Chư tôn, Bồ tát Ma ha tát

Ma ha bát nhã ba la mật

Cung thỉnh chư tôn hồi quy bản vị

24. CHÚ DÂNG HƯƠNG

**Ngàn màng nghìn phở lồ mò hò bót lai, ngàn màng nghìn ngàn
khiếm ngàn khi, quây mò này khía, quây mo ni khi, ngàn khúc
khích, hùng hùng hùng, phần phần phần, tóa ha**

25. CHÚ TẮM GỘI

Tẩy dục thân thể đương nguyện chúng sinh

Thân tâm vô khẩu nội ngoại quan khiết

Án bặt chiếc ra, nã ka tra tóa ha./.

26.BÀI KỆ ĐĂNG BẢO TỌA

Bảo tọa cao cao vô ngại

Thượng hữu thiên thù bảo cái

Ngã kim đăng đài chánh tọa

Bất chuyển tâm an tánh định

Nam mô Đăng Bảo Tọa Bồ Tát (3L)